

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14/02/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo

2. Ông Lê Hoàng Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28/10/2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. (*Chị L1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. (*Anh D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Trần Thị L1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn D sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 13 tháng 7 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang theo quy định pháp luật, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Cuộc

sống sau khi kết hôn của vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống không hoà thuận. Chị L1 xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng chị đã ở mức trầm trọng, chị L1 yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D theo quy định pháp luật. Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Trịnh Thế A, sinh ngày 01/8/2007 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/5/2015; Hiện hai con đang ở cùng chị và chị đang chăm sóc các con, sau khi ly hôn, chị đề nghị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và vay nợ chung: Chị L1 xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trịnh Văn D nhưng anh D đều vắng mặt không có lý, do đó các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ với chính quyền địa phương thể hiện: Chị L1 và anh D đều có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo quy định pháp luật. Trong cuộc sống hàng ngày, chị L1 và anh D thường xảy ra mâu thuẫn, địa phương có nắm được là chị L1 và anh D có xảy ra xô xát, vợ chồng có mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Đầu năm 2024, chị L1 và anh D có xảy ra xô xát, vợ chồng to tiếng, đánh chửi nhau, Công an viên của thôn và chính quyền địa phương đã đến giải quyết và tiến hành hoà giải giữa hai bên. Việc chị L1 có đơn xin ly hôn với anh D địa phương có nắm được, do chị L1 và anh D đã có mâu thuẫn từ lâu. Về con chung: Chị L1 và anh D có 02 con chung là Trịnh Thế A, sinh ngày 01/8/2007 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/5/2015, hiện hai cháu đang ở tại thôn C, xã L, thành phố T. Về tài sản và vay nợ chung: Chị L1 và anh D không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị L1 đã thực hiện đúng quy định của pháp quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh D chưa chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L1 về việc xin ly hôn anh Trịnh Văn D. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung Trịnh Thế A, sinh ngày 01/8/2007 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/5/2015 cho chị Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Trịnh

Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị L1 không yêu cầu) và có quyền thăm con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L1 và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L1 phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật; anh Trịnh Văn D không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L1 và anh Trịnh Văn D có nơi cư trú tại thôn C, xã L, thành phố T, Tòa án thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L1 và anh Trịnh Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 7 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L1 và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L1 và anh D sinh sống tại thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống, chị L1 xác nhận vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng cãi cọ, to tiếng, đánh chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D. Tòa án đã nhiều lần thông báo văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh D không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Qua xác minh với chính quyền địa phương nơi chị L1 và anh D sinh sống thể hiện: Chị L1 và anh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, chị L1 và anh D sinh sống tại thôn C, xã L, thành phố T. Thời gian gần đây, chị L1 và anh D có xảy ra mâu thuẫn, địa phương có nắm được là chị L1 và anh D có xảy ra xô xát, vợ chồng có mâu thuẫn, to tiếng. Đầu năm 2024, chị L1 và anh D có xảy ra xô xát, vợ chồng to tiếng, đánh chửi nhau, Công an viên của thôn và chính quyền địa phương đã đến giải quyết và tiến hành hoà giải giữa hai bên. Việc chị L1 có đơn xin ly hôn với anh D địa phương có nắm được, do chị L1 và anh D đã có mâu thuẫn từ lâu. Về con chung: Chị L1 và anh D có 02 con chung là Trịnh Thế A, sinh ngày 01/8/2007 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/5/2015, hiện hai cháu đang ở tại thôn C, xã L, thành phố T. Về tài sản và vay nợ chung: Chị L1 và anh D không có.

Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị L1, anh D thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị L1 là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lam X cho chị L1 được ly hôn với anh D là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L1 và anh D có 02 con chung là Trịnh Thế A, sinh ngày 01/8/2007 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/5/2015. Hiện hai con chung đang ở cùng chị L1, do chị L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên, các cháu Trịnh Thế A và Trịnh Quang H đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị L1 để được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và thuận tiện cho việc học tập. Anh D vắng mặt tại các buổi làm việc của toà án cũng như không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử thấy giao các con Trịnh Thế A và Trịnh Quang H cho chị Trần Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do hiện tại chị L1 không có yêu cầu về việc cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Trịnh Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trần Thị L1 và anh Trịnh Văn D không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trịnh Văn D không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; 235; 238; 227; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L1 về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L1 được ly hôn anh Trịnh Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2006, quyển số 01 ngày 13/7/2006 của Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung:

Xử: Giao 02 con chung là Trịnh Thế A, sinh ngày 01/8/2007 và Trịnh Quang H, sinh ngày 20/5/2015 cho chị Trần Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Trịnh Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị L1 không yêu cầu). Anh Trịnh Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000192 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trần Thị L1 đã nộp đủ án phí.

Anh Trịnh Văn D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L1 và anh Trịnh Văn D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã Lương Vượng, TP Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Hà

